

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Quang Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lê	Thành viên
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Minh Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

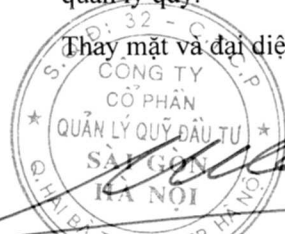
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời tuân thủ các qui định về việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05/12/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013

Số: 135/2013/AP-BCSX

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Bảng Cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/6/2013 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 14 tháng 8 năm 2013 từ trang 3 đến trang 23. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Bình Minh
Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0034-2013-148-1



Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 1396-2013-148-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 01-CTQ
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		20.853.634.936	25.217.558.405
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.721.996.756	9.555.620.587
1. Tiền	111		1.521.996.756	2.555.620.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.200.000.000	7.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	12.342.908.804	11.412.878.346
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.343.304.616	11.413.340.158
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(395.812)	(461.812)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.327.116.636	3.524.844.833
1. Phải thu của khách hàng	131		457.093.328	294.429.328
2. Trả trước cho người bán	132		12.963.517	28.551.642
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		3.752.770.861	3.115.092.646
5. Các khoản phải thu khác	135	6	150.433.251	132.915.538
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(46.144.321)	(46.144.321)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		461.612.740	724.214.639
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	243.414.550	557.913.154
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		89.245.885	89.245.885
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		128.952.305	77.055.600
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		47.501.566.592	46.658.670.773
II. Tài sản cố định	220		481.201.157	570.648.422
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	449.125.157	527.880.422
- Nguyên giá	222		1.090.985.700	1.550.521.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(641.860.543)	(1.022.641.238)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	32.076.000	42.768.000
- Nguyên giá	228		106.920.000	106.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.844.000)	(64.152.000)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	46.734.430.549	45.770.937.549
3. Đầu tư dài hạn khác	258		47.786.530.087	47.599.796.087
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.052.099.538)	(1.828.858.538)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		285.934.886	317.084.802
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	153.084.886	184.234.802
3. Tài sản dài hạn khác	268		132.850.000	132.850.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		68.355.201.528	71.876.229.178

Các Thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30/06/2013

MÃ SỐ B 01-CTQ
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.788.193.804	2.767.906.927
I. Nợ ngắn hạn	310		1.788.193.804	2.767.906.927
2. Phải trả cho người bán	312		37.950.001	78.042.914
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	13.680.954	103.280.559
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	1.446.887.168	2.006.387.773
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		289.675.681	580.195.681
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.567.007.724	69.108.322.251
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.951.343.840	8.951.343.840
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		70.583.270	70.583.270
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(2.454.919.386)	86.395.141
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400) 440			68.355.201.528	71.876.229.178

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 01-CTQ
Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		19.590.190.000	19.389.190.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		19.590.190.000	19.389.190.000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		13.626.200.000	13.626.200.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	23	53.705.185.676	3.494.169.927
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		2.822.407.898	3.494.169.927
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		50.882.777.778	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		469.257.697.191	585.102.524.763
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	24	469.257.697.191	585.102.524.763
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		471.569.456.796	474.280.193.568
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		3.944.901.967	11.361.476.612

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh

Tổng Giám đốc



Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 02-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu	01	15	1.331.629.983	2.221.501.866
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		1.331.629.983	2.221.501.866
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	16	630 520 531	1 452 620 722
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		701.109.452	768.881.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	501 994 711	2 372 602 644
7. Chi phí tài chính	22	18	548 386 925	947 033 578
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	3 196 031 765	4 687 424 886
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.541.314.527)	(2.492.974.676)
10. Thu nhập khác	31		-	165 186 588
11. Chi phí khác	32		-	152 132 401
12. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác	40		-	13.054.187
13. Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế	50		(2.541.314.527)	(2.479.920.489)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.541.314.527)	(2.479.920.489)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	(424)	(413)

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh



Tổng Giám đốc

Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 03-CTQ
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	1	12.172.944.734	14.039.832.019
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(14.069.312.320)	(22.817.989.171)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(2.632.880.377)	(3.836.171.533)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	974.143.144	20.258.809.190
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(1.491.785.012)	(20.653.334.577)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.046.889.831)	(13.008.854.072)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(186.734.000)	(2.364.118.899)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.581.666.400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	222.175.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(186.734.000)	1.439.722.501
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.833.623.831)	(11.569.131.571)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.555.620.587	12.693.596.517
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.721.996.756	1.124.464.946

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh

Tổng Giám đốc



Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 05-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
			Năm trước		Kỳ này			
	Năm trước	Kỳ này	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm trước	Kỳ này
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	8.951.343.840	8.951.343.840	-	-	-	-	8.951.343.840	8.951.343.840
3. Quỹ dự phòng tài chính	70.583.270	70.583.270	-	-	-	-	70.583.270	70.583.270
4. Lợi nhuận chưa phân phối	6.728.124.755	86.395.141	-	6.641.729.614	-	2.541.314.527	86.395.141	(2.454.919.386)
Cộng	75.750.051.865	69.108.322.251	-	6.641.729.614	-	2.541.314.527	69.108.322.251	66.567.007.724

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013



Trần Minh Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 32/UBCK-GP ngày 24/4/2008 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 28/11/2012. Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Danh sách các cổ đông của Công ty chi tiết như sau:

Tên cổ đông	Số lượng CP	Giá trị	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	624.000	6.240.000.000	10,4%
Công ty Tập đoàn T&T	732.000	7.320.000.000	12,2%
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam	480.000	4.800.000.000	8,0%
Công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ	420.000	4.200.000.000	7,0%
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	300.000	3.000.000.000	5,0%
Các cổ đông khác	3.444.000	34.440.000.000	57,4%
Tổng cộng	6.000.000	60.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 7 Tòa nhà 165 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2013 là 15 người (31/12/2012 là 17 người) trong đó có 7 người có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

Ngành nghề kinh doanh: Quản lý quỹ đầu tư, Quản lý danh mục đầu tư và Tư vấn đầu tư.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 được lập theo các quy định hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam về lập báo cáo tài chính giữa niên độ, phục vụ cho việc công bố thông tin được quy định tại Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05/12/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm phải thu lãi hoạt động đầu tư, phải thu phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, phải thu về thưởng hoạt động.

Các khoản phải thu được phân ánh theo giá trị có thể thực hiện được ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, tiền thuê văn phòng và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn dưới một năm. Các chi phí này được tập hợp vào các khoản chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Cụ thể như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định tại ngày lập dự phòng (giá bình quân đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh).
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp tối thiểu bởi ba (3) công ty chứng khoán tại ngày lập dự phòng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào công ty khác mà doanh nghiệp nắm giữ ít hơn 20% quyền biểu quyết và các khoản hợp tác đầu tư với thời hạn trên 12 tháng. Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập khi kết quả hoạt động kinh doanh từ các công ty này bị lỗ theo các quy định hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC trong việc trích khấu hao tài sản cố định thay thế cho việc áp dụng Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 trong các kỳ kế toán trước. Việc áp dụng Thông tư số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

45/2013/TT-BTC không làm thay đổi mức trích khấu hao của các tài sản cố định mà Công ty đang áp dụng. Tiêu thức xác định nguyên giá tài sản cố định của Công ty được điều chỉnh lại phù hợp với quy định mới. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

10

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được tập hợp vào các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm theo quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư, phí thưởng hoạt động. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi xác định được một cách chắc chắn và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và trị giá vốn của chứng khoán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, không có khoản tài sản hoặc công nợ nào được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	18.197.800	110.465.400
Tiền gửi ngân hàng	1.503.798.956	2.445.155.187
Các khoản tương đương tiền (i)	2.200.000.000	7.000.000.000
Tổng cộng	3.721.996.756	9.555.620.587

(i): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Mã CK	Cuối kỳ		Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		815.260	12.343.304.616	795.160	11.413.340.158
Trong đó:					
- Cổ phiếu niêm yết		23.260	948.504.616	3.160	18.540.158
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín	SCR	300	1.719.904	3.100	17.772.346
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	SHS	60	767.812	60	767.812
+ Cổ phiếu Tổng công ty khí Việt Nam - CTCP	GAS	3.000	165.247.500	-	-
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	PGD	6.000	146.018.700	-	-
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	REE	6.000	141.812.400	-	-
+ Cổ phiếu Tập đoàn Vingroup	VIC	7.900	492.938.300	-	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết		792.000	11.394.800.000	792.000	11.394.800.000
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO	VMO	400.000	6.010.000.000	400.000	6.010.000.000
+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Công đoàn Việt Nam	PVFI	392.000	5.384.800.000	392.000	5.384.800.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			(395.812)		(461.812)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội		60	(395.812)	60	(461.812)
Tổng cộng		815.260	12.342.908.804	795.160	11.412.878.346

(*): Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty không đủ căn cứ để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết, theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán các khoản đầu tư cổ phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ tức được nhận	646.800	646.800
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	83.660.056	87.633.853
Phải thu khác	66.126.395	44.634.885
Tổng cộng	150.433.251	132.915.538

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	53.090.760	116.899.421
Tiền thuê văn phòng	163.500.001	136.500.000
Chi phí trả trước khác	26.823.789	304.513.733
Tổng cộng	243.414.550	557.913.154

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2013	32.120.000	898.250.300	620.151.360	1.550.521.660
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	32.120.000	-	427.415.960	459.535.960
Tại ngày 30/06/2013	-	898.250.300	192.735.400	1.090.985.700
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2013	26.766.674	404.212.630	591.661.934	1.022.641.238
Khấu hao trong kỳ	2.676.662	44.912.513	7.977.543	55.566.718
Giảm trong kỳ	29.443.336	-	406.904.077	436.347.413
Tại ngày 30/06/2013	-	449.125.143	192.735.400	641.860.543
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2013	5.353.326	494.037.670	28.489.426	527.880.422
Tại ngày 30/06/2013	-	449.125.157	-	449.125.157

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn đang sử dụng tại ngày 30/06/2013 là 192.735.400 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 474.407.761 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 1/1/2013	106.920.000	106.920.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2013	106.920.000	106.920.000
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 1/1/2013	64.152.000	64.152.000
Khấu hao trong kỳ	10.692.000	10.692.000
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2013	74.844.000	74.844.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	42.768.000	42.768.000
Tại ngày 30/06/2013	32.076.000	32.076.000

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	5.907.546	8.861.322
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	1.440.000	1.440.000
Chi phí sửa chữa văn phòng	143.239.340	173.933.480
Khác	2.498.000	-
Tổng cộng	153.084.886	184.234.802

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	654.545
Thuế thu nhập cá nhân	13.680.954	102.626.014
Tổng cộng	13.680.954	103.280.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư dài hạn (*)	1.347.379	14.165.103.978	1.347.379	14.165.103.978
Trong đó:				
- Cổ phiếu niêm yết	776.759	6.346.736.638	776.759	6.346.736.638
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	776.759	6.346.736.638	776.759	6.346.736.638
- Cổ phiếu chưa niêm yết	570.620	7.818.367.340	570.620	7.818.367.340
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại				
Dầu khí Sông Hồng	184.800	3.869.167.340	184.800	3.869.167.340
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bộ nhớ điện tử	372.820	3.728.200.000	372.820	3.728.200.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 8	13.000	221.000.000	13.000	221.000.000
Đầu tư dài hạn khác		33.621.426.109		33.434.692.109
- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư				
Sóng Xanh theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số		8.420.437.339		8.233.703.339
2010/HTĐT/SHF ngày 2/10/2010 (i)				
- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư				
Sóng Xanh theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số		4.880.000.000		4.880.000.000
2010/HTĐT/SHF ngày 01/12/2010 (ii)				
- Hợp tác đầu tư với ông Nguyễn Ngọc Phúc (iii)		6.050.000.000		6.050.000.000
- Góp vốn vào Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu				
khí (PSI) (iv)		14.270.988.770		14.270.988.770
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.052.099.538)		(1.828.858.538)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	776.759	(987.099.538)	776.759	(1.763.858.538)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 8	13.000	(65.000.000)	13.000	(65.000.000)
Tổng cộng	1.347.379	46.734.430.549	1.347.379	45.770.937.549

(i): Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh (“BWI”) để mua lại quyền thuê đất nông nghiệp tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội. Khu đất sẽ được lập dự án xin chuyển đổi thành đất ở đô thị.

(ii): Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh (“BWI”) để mua lại quyền khai thác 1.220 m² tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội. Tổng số tiền mua khoảng 6,1 tỷ đồng. Quyền khai thác lô đất sẽ được chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư khác hoặc xin chuyển đổi thành đất ở đô thị.

(iii): Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/TTGVDT/2011 ngày 03/01/2011 với ông Nguyễn Ngọc Phúc để mua lại quyền sử dụng đất và công trình trên đất thuộc khu đất có diện tích 103,2 m² tại số 1116 đường 3/2 phường 12, quận 11 thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50/50.

(iv): Phản ánh giá trị của 1.159.000 cổ phiếu Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (mã chứng khoán PSI) theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 86/HĐ2009/PSI-SHF ngày 06/10/2009, chiếm 1,94% vốn điều lệ của PSI. Theo Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013 trước soát xét, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí có lãi, theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư dài hạn tại 30/06/2013.

(*): Là các khoản đầu tư cho mục đích dài hạn, Công ty không có kế hoạch chuyển nhượng các khoản đầu tư chứng khoán này trong thời gian 12 tháng tiếp theo. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty không đủ căn cứ để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết, theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán các khoản đầu tư cổ phiếu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
BHXX, BHYT, BHTN	22.405.412	61.857
Kinh phí công đoàn	23.803.500	39.771.500
Cổ tức phải trả	-	600.000.000
Phải trả danh mục ủy thác	904.871.689	895.286.846
Các khoản phải trả phải nộp khác	495.806.567	471.267.570
Tổng cộng	1.446.887.168	2.006.387.773

14. CỔ PHIẾU

	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

15. DOANH THU

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	1.331.277.694	2.073.918.533
Doanh thu khác	352.289	147.583.333
Tổng cộng	1.331.629.983	2.221.501.866

16. CHI PHÍ KINH DOANH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	584.536.688	1.291.672.415
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.945.155	36.303.111
Chi phí DV mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	42.038.688	124.645.196
Tổng cộng	630.520.531	1.452.620.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	129.575.966	464.011.937
Lãi đầu tư chứng khoán	372.418.745	1.146.415.707
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	762.175.000
Tổng cộng	501.994.711	2.372.602.644

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lỗ đầu tư chứng khoán	1.325.211.925	4.505.243.578
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(776.825.000)	(3.558.210.000)
Tổng cộng	548.386.925	947.033.578

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.954.277.099	2.287.470.966
Chi phí khấu hao TSCĐ	62.313.563	177.070.131
Chi phí DV mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	1.179.441.103	2.222.883.789
Tổng cộng	3.196.031.765	4.687.424.886

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(2.541.314.527)	(2.479.920.489)
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(424)	(413)

21. THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	327.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản thuê hoạt động với lịch thanh toán dự kiến như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	654.000.000	654.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.125.500.000	2.452.500.000
Sau năm năm	-	-
	<u>2.779.500.000</u>	<u>3.106.500.000</u>

14. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.581.245.876	2.784.554.268
Phải trả khác		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	904.871.689	895.286.846

GIAO DỊCH BÊN LIÊN QUAN

	<u>Từ 01/01/2013</u>	<u>Từ 01/01/2012</u>
	<u>đến 30/06/2013</u>	<u>đến 30/06/2012</u>
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	796.691.608	1.459.759.891

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được nêu tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 30/06/2013	Giá trị ghi sổ 01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.721.996.756	9.555.620.587
Đầu tư ngắn hạn	12.342.908.804	11.412.878.346
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.163.719.868	3.496.293.191
Đầu tư dài hạn	46.734.430.549	45.770.937.549
Tài sản tài chính khác	132.850.000	132.850.000
Cộng	67.095.905.977	70.368.579.673
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.438.628.257	2.084.430.687
Công nợ tài chính khác	-	-
Cộng	1.438.628.257	2.084.430.687

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá cổ phiếu do thực hiện mua một số loại cổ phiếu nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường cổ phiếu nhằm quản lý thời điểm mua cổ phiếu và bán cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2013 là 46.144.321 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 46.144.321 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/06/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.438.628.257	-	1.438.628.257
Tại 01/01/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.084.430.687	-	2.084.430.687
Công nợ tài chính khác	-	-	-

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.721.996.756	-	3.721.996.756
Đầu tư ngắn hạn	12.342.908.804	-	12.342.908.804
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.163.719.868	-	4.163.719.868
Đầu tư dài hạn		46.734.430.549	46.734.430.549
Tài sản tài chính khác		132.850.000	132.850.000

23. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Số dư đầu năm	3.494.169.927
Tăng trong kỳ	213.323.550.076
Giảm trong kỳ	163.112.534.327
Số dư cuối kỳ	53.705.185.676

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***24. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	187.999.430.191	281.246.617.762
Cổ phiếu chưa niêm yết	142.340.000.000	164.937.640.000
Trái phiếu	135.418.267.000	135.418.267.001
Khác	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng cộng	469.257.697.191	585.102.524.763

25. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

26. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu tại ngày 01/01/2013 trên Bảng cân đối kế toán là số liệu chuyển sang tại ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trong Báo cáo kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 chưa được soát xét.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013

Người lập**Lại Thị Tuyết****Giám đốc tài chính****Nguyễn Diệu Trinh****Tổng Giám đốc****Trần Minh Hoàng**